| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN KRÔNG BÔNG**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 11/2019/DS-ST
Ngày 26 - 11 - 2019
*V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Chu Văn Hồi.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Tống Ngọc Chân; Bà Lê Thị Nga.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông*** *tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự số 38/2019/DSST ngày 05 tháng 6 năm 2019, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14A/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2019. Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/QĐST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà Phạm Thị X, sinh năm 1970

Địa chỉ: 24 Nguyễn H, TDP B, thị trấn K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. *(có mặt)*

***Đồng bị đơn:*** ông Lưu Văn A, sinh năm 1971

Bà Đoàn Thị Mỹ N, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã S, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

*(Đều vắng mặt – Đã tống đạt hợp lệ).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2019, tại bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn bà Phạm Thị X, trình bày:*

Ngày 16/4/2018 (tức ngày 01/3/2018 âm lịch), tôi có cho vợ chồng ông Lưu Văn A và bà Đoàn Thị Mỹ N vay số tiền 570.000.000đ (*năm trăm bảy mươi*

*triệu đồng*). Thời hạn trả là ngày 20/4/2018 (tức ngày 05/3/2018 âm lịch). Mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng, sau đó cho vay thêm 10.000.000đ. Tuy nhiên, sau khi trả nợ Ngân hàng xong gia đình ông A và bà N không vay Ngân hàng về để trả cho tôi được. Do không trả được nợ như đã cam kết ban đầu nên hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 20.000đ/1.000.000đ/tháng và vợ chồng ông A cam kết sẽ trả nợ trong thời hạn 01 tháng, là ngày 20/5/2018.

Quá trình vay nợ, vợ chồng ông A và bà N có đưa cho tôi các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 952821; AC 952822; AC 952823; P 120003 để làm tin.

Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn cam kết, mặc dù tôi cũng đã nhiều lần đến nhà và tạo điều kiện thêm thời gian nhưng ông bà cũng không chịu trả cho tôi. Ông bà hứa hẹn rồi xin khất cố gắng xoay sở rồi trả cho tôi. Vì nghĩ là chỗ quen biết, ông bà cũng có thiện chí trả nợ nên tôi cố gắng cho thêm thời gian. Nhưng rồi ông bà vẫn cố tình không thực hiện trách nhiệm trả nợ.

Do vậy tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Bông xem xét, giải quyết buộc ông Lưu Văn A và bà Đoàn Thị Mỹ N phải có trách nhiệm trả cho tôi toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh từ ngày vay đến hết ngày 30/6/2019. Số tiền là tiền nợ gốc là 580.000.000đ (*năm trăm tám mươi triệu đồng*). Về lãi suất hai bên thỏa thuận là 20.000đ/1.000.000đ/tháng. Tuy nhiên, hiện nay gia đình anh A khó khăn nên tôi chỉ tính lãi 20%/năm. Tính từ ngày vay 16/4/2018 cho đến ngày 30/6/2019 là 719.606.000đ (*Bảy trăm mười chín triệu sáu trăm lẻ sáu nghìn đồng*) tiền lãi phát sinh. Tổng cộng: 719.606.000 đồng.

*Bị đơn: tại bản tự khai ngày 07/6/2019 và tại biên bản hòa giải ông Lưu Văn A, trình bày:*

Qua yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị X là đúng, sau khi chị X cho vay về đáo hạn Ngân hàng thì Ngân hàng không tiếp tục cho vay với mức như đã trả nên không có tiền để trả nợ cho chị X như đã thỏa thuận là 05 ngày. Sau đó hai bên có thỏa thuận 20.000đ/1.000.000đ/tháng và sẽ trả cho chị X trong thời hạn một tháng, nhưng do làm ăn khó khăn nên cũng chưa trả được cho chị X như đã thỏa thuận. Nay chị X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, tôi có nguyện vọng sẽ được trả nợ cho chị X từ nay đến hết ngày 30/6/2019. Tôi sẽ trả cả gốc và lãi như chị X yêu cầu là 719.606.000 đồng. Lúc vay nợ, vợ chồng tôi có đưa cho bà X các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 952821; AC 952822; AC 952823; P 120003 để làm tin.

*Bị đơn: tại bản tự khai ngày 09/8/2019 bà Đoàn Thị Mỹ N, trình bày:*

Qua yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị X là đúng, sau khi chị X cho vay về đáo hạn Ngân hàng thì Ngân hàng không tiếp tục cho vay với mức như đã trả nên không có tiền để trả nợ cho chị X như đã thỏa thuận là 05 ngày. Sau đó hai bên có thỏa thuận 20.000đ/1.000.000đ/tháng và sẽ trả cho chị X trong thời hạn một tháng, nhưng do làm ăn khó khăn nên cũng chưa trả được cho chị X như đã thỏa thuận. Nay chị X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, tôi có nguyện vọng xin chị X trả bìa đỏ cho bà N để vay ngân hàng về trả cho chị X, số còn lại tôi sẽ cắt một phần đất bán lấy tiền trả cho chị X. Bà X yêu cầu tính lãi suất 20%/năm tôi đồng ý nhưng hiện nay đang rất khó khăn nên xin bà X cho chúng tôi toàn bộ lãi suất.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải được giữa ông A và bà X; Tại phiên hòa giải giữa bà X và bà N, sau khi bà N trình bày ý kiến xong và Tòa án đã lập biên bản hòa giải nhưng sau đó bà N không ký biên bản hòa giải và bỏ về, Tòa án đã lập biên bản việc bà N không chịu ký biên bản hòa giải, do vậy hòa giải không thành.

Tài liệu chứng cứ trong vụ án: bà X cung cấp Giấy mượn tiền ngày 16/4/2018 (01/3/2018 âm lịch) có chữ ký của bị đơn ông Lưu Văn A và bà Đoàn Thị Mỹ N.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu HĐXX xem xét buộc ông Lưu Văn A và bà Đoàn Thị Mỹ N có trách nhiệm trả cho bà X số tiền nợ gốc và yêu cầu tính lãi suất 20%/năm, tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Số tiền nợ gốc 580.000.000đ và lãi suất phát sinh tạm tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (07/11/2019) là 186.462.266 đồng (Vay ngày 16/4/2018 tính đến ngày 07/11/2019 là 18 tháng 23 ngày; 20% : 12 tháng x 580.000.000đ x 19 tháng 11 ngày = 186.462.266đ). Tổng cộng: 766.462.266đ.

Ông A và bà N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng : Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, thủ tục giải quyết và việc thu thập chứng cứ theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, quyết định hoãn phiên tòa đã được tống đạt, do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định.

Tại phiên tòa, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng từ khi khai mạc phiên tòa đến khi kết thúc phần tranh luận.

Về nội dung: Áp dụng Điều 116; 119; 280; 288; 463; 466; 468; 470 Bộ luật dân sự. Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị X.

- Buộc ông Lưu Văn A và bà Đoàn Thị Mỹ N phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị X số tiền nợ gốc là 580.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 186.462.266đ. Tổng cộng: 766.462.266 đồng.

- Đối với các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 952821; AC 952822; AC 952823; P 120003, do quá trình vay nợ các bên giao cho nhau để làm tin, giao dịch đó chưa được chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm nên không đặt ra để giải quyết.

Căn cứ vàoo các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của đương sự trước phiên tòa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về quan hệ pháp luật:* Vụ án Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Phạm Thị X với ông Lưu Văn A và bà Đoàn Thị Mỹ N, ông Lưu Văn A và bà Đoàn Thị Mỹ N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn đã được giao giấy triệu tập hợp lệ nhưng không đến phiên tòa để tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành giao quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*[2] Về nội dung:* Tại bản tự khai và quá trình tranh tụng tại phiên tòa ngày hôm nay đều thấy rằng: Vào ngày 16/4/2018 (tức ngày 01/3/2018 âm lịch), bà Phạm Thị X có cho vợ chồng ông Lưu Văn A và bà Đoàn Thị Mỹ N vay số tiền 570.000.000đ (*năm trăm bảy mươi triệu đồng*). Thời hạn trả là ngày 20/4/2018 (tức ngày 05/3/2018 âm lịch). Mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng, sau đó bà X cho vay thêm 10.000.000đ. Tuy nhiên, sau khi trả nợ Ngân hàng xong gia đình ông A và bà N không vay Ngân hàng về để trả cho bà X được. Do không trả được nợ như đã cam kết ban đầu nên hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là

20.000đ/1.000.000đ/tháng và vợ chồng ông A cam kết sẽ trả số tiền nợ 580.000.000đ trong thời hạn 01 tháng, là 20/5/2018. Bà X đã nhiều lần đòi nợ nhưng vợ chồng ông A và bà N không trả nên bà X khởi kiện yêu cầu ông A và bà N phải trả tiền nợ gốc là 580.000.000đ và toàn bộ lãi phát sinh, tại thời điểm cho vay hai bên thỏa thuận lãi suất một tháng là 20.000đ/1.000.000đ. Tuy nhiên, hiện nay do ông A và bà N gặp khó khăn nên bà X chỉ yêu cầu tính lãi suất 20%/năm. Tính lãi kể từ ngày vay đến ngày 26/11/2019 là 19 tháng 11 ngày.

Quá trình hòa giải, ông A cam kết sẽ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận là 20%/năm vào ngày 30/6/2019 nhưng đến nay vẫn chưa trả khoản nào cho bà X. Bà N đồng ý có nợ bà X và chấp nhận với yêu cầu tính lãi suất là 20%/năm nhưng xin bà X cho toàn bộ tiền lãi, bà N có nguyện vọng xin bà X trả lại bìa đỏ cho bà N để vay ngân hàng về trả một phần cho bà X, số còn lại bà N sẽ cắt một phần đất bán lấy tiền trả cho bà X. Bà X không đồng ý nên hòa giải không thành.

HĐXX xét thấy, trong giấy nợ là giấy mượn tiền nhưng thực tế các bên đều xác định là vay tiền và có tính lãi suất nên xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Quá trình giải quyết các đương sự đã thống nhất được toàn bộ nợ gốc là 580.000.000đ và thống nhất cách tính lãi là 20%/năm, hòa giải không thành là do không thống nhất được thời hạn và cách trả nợ. Do vậy khởi kiện của bà X là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận toàn bộ. Buộc vợ chồng ông Lưu Văn A và bà Đoàn Thị Mỹ N phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị X số tiền nợ là 766.462.266 đồng. Trong đó: nợ gốc là 580.000.000đ và lãi suất phát sinh tạm tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (26/11/2019) là 186.462.266 đồng (Vay ngày 16/4/2018 tính đến ngày 26/11/2019 là 19 tháng 11 ngày; 20% : 12 tháng x 580.000.000đ x 19 tháng 11 ngày = 186.462.266đ).

Quá trình cho vay, vợ chồng ông A và bà N có giao cho bà X các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 952821; AC 952822; AC 952823; P 120003, do quá trình vay nợ các bên giao cho nhau để làm tin, giao dịch đó không được chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm. Các đương sự không có yêu cầu gì nên HĐXX không đặt ra để giải quyết.

*[3] Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của bà X được chấp nhận nên buộc bà N và ông A phải liên đới chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là (20.000.000đ + (366.462.266 x 4%) 34.658.490 đồng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà X là phù hợp với quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; 266; 271; 273; 278; 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 116; 119; 280; 288; 463; 466; 468; 470 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[1] **Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị X về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Lưu Văn A và bà Đoàn Thị Mỹ N phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị X số tiền nợ gốc là 766.462.000 đồng *(Bảy trăm sáu mươi sáu triệu, bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng)* (lấy tròn số). Trong đó: nợ gốc 580.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tạm tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (26/11/2019) là 186.462.000 đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm; nếu không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Theo quy định tại điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.*

[2] *Về án phí:* ông Lưu Văn A và bà Đoàn Thị Mỹ N phải liên đới chịu 34.658.000 đồng *(Ba mươi tư triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng)* (Lấy tròn số) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông.

Trả lại cho bà Phạm Thị X số tiền 16.200.000 đồng *(Mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005899 ngày 05/6/2019.

[3] Thông báo quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

*Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND H Krông Bông;
- THADS H Krông Bông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Văn Hồi**